

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 13-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bích Lý

Ông Vũ Khắc Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 416/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số B P, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T - Chuyên viên bộ phận XLN Ngân hàng thương mại cổ phần B là người đại diện theo ủy quyền (Theo giấy ủy quyền số 545/2022/UQ-BVB-HP ngày 26/9/2022 của Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh H1); có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Minh Đ; nơi cư trú: Số F (tổ B khu B cũ) T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần B** (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 08/9/2015 **Ngân hàng thương mại cổ phần B** và ông **Vũ Minh Đ** đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 và khế ước nhận nợ số 0219.01/2015/KUNN2/BVB-021 ngày 08/9/2015 với nội dung như sau:

Số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 180 tháng, mục đích vay để bù đắp tiền mua nhà, lãi suất kỳ đầu tiên là 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên; các kỳ sau lãi suất áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm 36 tháng trả lãi sau do **B1** công bố cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 06 tháng/01 lần. Lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng. Ngày 08/9/2015, Ngân hàng đã giải ngân cho ông **Vũ Minh Đ** số tiền 2.500.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông **Vũ Minh Đ** đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng 145m2 đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 17 bản đồ địa chính phường năm 2005 tại địa chỉ **số C T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng** theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 010856, số vào sổ cấp GCN: CH00548/VN do **UBND quận L, thành phố Hải Phòng** cấp ngày 13/8/2015 cho ông **Vũ Minh Đ** theo Hợp đồng thế chấp số 0219/2015/HĐTC/BVB-021 ngày 08/9/2015 tại **Văn phòng C**. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại **chi nhánh H1** đăng ký đất đai tại **quận L, thành phố Hải Phòng** ngày 09/9/2015.

Sau khi vay Ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng, đến ngày 15/02/2022 ông **Đ** vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 13/7/2023 ông **Vũ Minh Đ** đã trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.751.863.136 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.113.845.797 đồng và nợ lãi quá hạn là 159.385 đồng, lãi chậm trả lãi là 92.340 đồng, tổng cộng là 2.865.960.658 đồng.

Ngày 18/4/2023, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông **Đ** phải thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 17/4/2023 là 6.213.204 đồng và khoản tiền phạt chậm trả lãi ông **Đ** đã trả là 92.340 đồng Ngân hàng trừ vào số tiền nợ gốc của ông **Đ**.

Tính đến ngày 13/7/2023, ông **Vũ Minh Đ** còn nợ Ngân hàng số tiền 871.600.654 đồng (trong đó nợ gốc là 748.044.456 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, lãi quá hạn là 15.298.150 đồng). Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông **Vũ Minh Đ** trả nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Đ** với nội dung sau:

- Tính đến ngày 13/7/2023 ông **Đ** phải trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 và khế ước nhận nợ số

0219.01/2015/KUNN2/BVB-021 ngày 08/9/2015 tổng số tiền là 871.600.654 đồng (trong đó nợ gốc là 748.044.456 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, lãi quá hạn là 15.298.150 đồng). Ông Đ tiếp tục phải trả tiền lãi đối với số tiền phải thanh toán của Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/7/2023 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Trong trường hợp ông Vũ Minh Đ kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực mà ông Vũ Minh Đ không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ là quyền sử dụng 145m² đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 17 bản đồ địa chính phường năm 2005 tại địa chỉ số C T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 010856, số vào sổ cấp GCN: CH00548/VN do UBND quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/8/2015 cho ông Vũ Minh Đ theo Hợp đồng thế chấp số 0219/2015/HĐTC/BVB-021 ngày 08/9/2015 tại Văn phòng C. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh H1 đăng ký đất đai tại quận L, thành phố Hải Phòng ngày 09/9/2015.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Minh Đ đối với Ngân hàng TMCP B. Nếu số tiền thu được từ bán, xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Vũ Minh Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Vũ Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn cũng như tổng đạt các văn bản của Tòa án: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy mời, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đ nhưng tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ông Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 13/7/2023 của hợp đồng tín dụng cá nhân số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 với số tiền là 871.600.654 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 748.044.456 đồng, nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, lãi quá hạn là 15.298.150 đồng). Ông Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền phải thanh toán kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đề nghị phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Trong trường hợp số tiền phát mại, thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho ngân hàng thì ông Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho ngân hàng.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 299, 317, 318, 323, 325, 385, 463, 466, 688 của Bộ luật Dân sự; căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Buộc ông Vũ Minh Đ phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/7/2023 của Hợp đồng tín dụng cá nhân số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 và khế ước nhận nợ số 0219.01/2015/KUNN2/BVB-021 ngày 08/9/2015 với số tiền là 871.600.654 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 748.044.456 đồng, nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, lãi quá hạn là 15.298.150 đồng). Ông Vũ Minh Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/4/2023 là 6.213.204 đồng. Trường hợp ông Đ không trả được khoản nợ của Hợp đồng tín dụng trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Ông Vũ Minh Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B và cá nhân là ông Vũ Minh Đ có nơi cư trú tại số 6/363 (tổ B khu B cũ) T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng với mục đích để bù đắp tiền mua nhà nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Vũ Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Hợp đồng tín dụng số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 được ký kết giữa Ngân hàng và ông **Vũ Minh Đ** với các điều khoản trong hợp đồng là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do vậy Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại các điều 117, 119, 385 của Bộ luật Dân sự và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, giải ngân cho ông **Đ** vay đủ số tiền của Hợp đồng tín dụng là 2.500.000.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và ông **Đ** đã nhận đủ số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau khi vay tiền Ngân hàng, ông **Đ** đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 1.751.863.136 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.113.845.797 đồng và nợ lãi quá hạn là 159.385 đồng, lãi chậm trả lãi là 92.340 đồng và Ngân hàng đã trừ tiền lãi chậm trả 92.340 đồng vào số tiền nợ gốc của ông **Đ**, tổng cộng ông **Đ** đã trả cho Ngân hàng là 2.866.052.998 đồng. Ông **Đ** đã trả nợ gốc và lãi lần cuối cùng vào ngày 15/01/2022. Đến ngày 15/02/2022 ông **Đ** vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình theo quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết do đó ông **Đ** đã vi phạm hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện buộc ông **Đ** phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ và đúng quy định pháp luật cần chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/7/2023 bị đơn ông **Vũ Minh Đ** còn nợ và có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 và khế ước nhận nợ số 0219.01/2015/KUNN2/BVB-021 ngày 08/9/2015 là 871.600.654 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 748.044.456 đồng, nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.298.150 đồng).

[5] Về yêu cầu tính lãi: Xét yêu cầu tính lãi của Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc ông **Đ** phải thanh toán các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận đã được ký kết tại Hợp đồng tín dụng.

[6] Đối với việc Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc ông **Đ** phải thanh toán số tiền phạt do chậm trả lãi tính đến ngày 17/4/2023 là 6.213.204 đồng và khoản tiền phạt chậm trả lãi ông **Đ** đã trả là 92.340 đồng Ngân hàng trừ vào số tiền nợ gốc của ông **Đ**. Xét việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện và tiền phạt chậm trả lãi ông **Đ** đã trả là 92.340 đồng Ngân hàng trừ vào số tiền nợ gốc của ông **Đ** là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp ông Đ không trả được nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 tại Văn phòng C, thành phố Hải Phòng; số công chứng 5167/2015, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 145m² đất tại số C T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 010856, số vào sổ cấp GCN: CH00548/VN do Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng cấp ngày 13/8/2015 đứng tên ông Vũ Minh Đ được ký kết giữa Ngân hàng và ông Vũ Minh Đ bởi những người có thẩm quyền, được chứng nhận của cơ quan công chứng và đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Qua xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp không có sự thay đổi gì so với thời điểm thế chấp. Đến hạn trả nợ ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định các điều 299, 317, 318, 323, 325, 463, 466 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí:

[8] Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.100.000 đồng. Bị đơn ông Vũ Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 38.148.019 đồng.

- Về quyền kháng cáo:

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 117, 119, 280, 299, 317, 318, 323, 325, 385, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B: Buộc ông Vũ Minh Đ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền còn nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày

08/9/2015 và khế ước nhận nợ số 0219.01/2015/KUNN2/BVB-021 ngày 08/9/2015 tính đến ngày 13/7/2023 là 871.600.654 (tám trăm bảy một triệu, sáu trăm nghìn, sáu trăm năm mươi tư) đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 748.044.456 đồng, nợ lãi trong hạn là 108.258.048 đồng, nợ lãi quá hạn là 15.298.150 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp ông **Vũ Minh Đ** không trả được nợ cho **Ngân hàng thương mại cổ phần B** thì **Ngân hàng thương mại cổ phần B** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ đảm bảo đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0219/2015/HĐTD2/BVB-021 ngày 08/9/2015 tại **Văn phòng C**, thành phố Hải Phòng; số công chứng 5167/2015, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD đã ký giữa ông **Vũ Minh Đ** và **Ngân hàng thương mại cổ phần B**. Tài sản thế chấp bao gồm quyền sử dụng đất đối với diện tích 145m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại **số C T, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng** thuộc thửa số 61, tờ bản đồ số 17, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu tài sản nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 010856, số vào sổ cấp GCN: CH00548/VN do **Ủy ban nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng** cấp ngày 13/8/2015 đứng tên ông **Vũ Minh Đ**. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại **chi nhánh H1** đăng ký đất đai tại **quận L, thành phố Hải Phòng** ngày 09/9/2015.

Nếu phát mại tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông **Vũ Minh Đ** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B** đến khi trả đủ khoản nợ.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu ông **Vũ Minh Đ** phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/4/2023 là 6.213.204 (sáu triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm linh bốn) đồng.

4. Về án phí: ông **Vũ Minh Đ** phải nộp 38.148.019 (ba mươi tám triệu một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm mười chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.100.000 (mười tám triệu một trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005133 ngày 15/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần B** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông **Vũ Minh Đ** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị H

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đường sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

